

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT HUỲNH THÚC KHÁNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 04/QĐ-THPTHTK

Tiên Phước, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai giao dự toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT HUỲNH THÚC KHÁNG

Căn cứ Quyết định số 2291/QĐ-UB ngày 27 tháng 7 năm 1999 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thành lập Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc tiếp nhận nguyên trạng các đơn vị sau khi hợp nhất Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam và Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1582/QĐ-SGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị, trường học trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Bộ phận Kế toán Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai Dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2026 của trường THPT Huỳnh Thúc Kháng (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, Tổ trưởng các bộ phận liên quan và tập thể VC-NLĐ Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Niêm yết công khai, website trường;
- Lưu: VT, VP_{KT}.



HIỆU TRƯỞNG

Cải Văn Hùng

Đơn vị: Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng

Chương: 422



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-THPTHTK ngày 12/01/2026 của Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính : Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.282.906.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	19.282.906.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	19.282.906.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.102.978.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.179.928.000
	Trong đó:	
3.2.1	KP hỗ trợ CPHT theo NĐ 238/2025/NĐ-CP	62.100.000
3.2.2	KP cấp bù học phí do thực hiện miễn, giảm theo NĐ 238/2025/NĐ-CP	1.007.900.000
3.2.3	KP duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa	100.000.000
3.2.4	KP ôn tập cho học sinh người DTTS tham dự thi THPT quốc gia (theo NQ 06/2024)	4.342.000
3.2.5	KP hỗ trợ tiền ăn, CPHT cho học sinh khuyết tật, DTTS theo NQ 50/2025/NQ-HĐND	324.000.000
3.2.6	KP P/c ưu đãi cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo NĐ 28/2012/NĐ-CP	567.101.000
3.2.7	KP mua sắm TB dạy học tối thiểu theo CT GDPT năm 2018	385.485.000
3.2.8	KP Tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (MN 18)	729.000.000

4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	